

ĐẶC ĐIỂM NGOẠI HÌNH VÀ KHẢ NĂNG SẢN XUẤT CỦA NGAN TRÂU

Nguyễn Quý Khiêm, Trần Thị Hà, Phạm Thị Kim Thanh, Đỗ Thị Nhung, Đặng Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Minh Hương, Tạ Thị Hương Giang và Nguyễn Thị Tâm

Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương

Tác giả liên hệ: Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, P. Thụy Phương - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.
Điện thoại: 0243.8385803/024.38389773; Email: giacamthuyphuong@gmail.com

TÓM TẮT

Thí nghiệm được tiến hành tại trạm Nghiên cứu chăn nuôi gia cầm Thụy Phương từ năm 2019 đến năm 2020. Đề tài đã sử dụng phương pháp nghiên cứu thường quy phổ biến trong chăn gia cầm; nhằm mục tiêu bước đầu đánh giá đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của ngan Trâu. Kết quả cho thấy đặc điểm ngoại hình lúc 01 ngày tuổi ngan Trâu có màu lông đen, có 04 chấm vàng trên lưng, cổ màu vàng, bụng màu vàng, mỏ màu đen, chân chì có sọc đen chạy dọc các ngón chân hình gân lá. Ngan trưởng thành có lông màu đen tuyền, trên cánh có hoặc không có 2 đốm trắng, lông cổ và lông bụng màu đen xếp hình vây cá, mỏ xám có chấm đen, chân chì có sọc đen chạy dọc các ngón chân hình gân lá, mắt tinh nhanh, mào màu đỏ tươi. Khối lượng cơ thể lúc 8 tuần tuổi ngan trống đạt 2030,78 g. Năng suất trứng/mái/năm đạt 85,39 quả; tiêu tốn thức ăn/10 trứng 7,15 kg. Tỷ lệ trứng có phôi đạt 95,45%.

Từ khóa: *ngan Trâu, khả năng sản xuất, ngan bản địa*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngan Trâu là một trong ba giống ngan nội của nước ta, có những ưu thế đặc trưng: chất lượng thịt thơm ngon, khả năng chống chịu bệnh tật cao, thích nghi với điều kiện môi trường sinh thái của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung, ngan có đặc điểm ngoại hình đặc trưng lông màu đen tuyền ánh xanh, có hai đốm trắng trên lưng, lông cổ và bụng xếp hình vây cá. Từ năm 2015 ngan Trâu được đưa vào chương trình “Bảo tồn nguồn gen vật nuôi quốc gia”. Tuy nhiên các đàn giống được nuôi với số lượng không nhiều tại các hộ gia đình, điều kiện chuồng trại và kỹ thuật chăn nuôi còn nhiều hạn chế, các đàn giống không có sự chọn lọc do vậy năng suất còn thấp và không ổn định.

Trước thực trạng các nguồn gen quý trong đó ngan Trâu có nguy cơ bị lai tạp với các giống ngan nhập khác. Tháng 3 năm 2019 Trung tâm Nghiên cứu gia cầm Thụy Phương được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt thực hiện Dự án “Sản xuất thử nghiệm ngan Trâu và vịt Minh Hương tại một số tỉnh miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ” với nhiệm vụ là chọn lọc được đàn ngan Trâu thuần chủng thông qua việc xác định đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của ngan Trâu qua các thế hệ góp phần bảo tồn khai thác và phát triển ngan Trâu là cần thiết.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu nghiên cứu

1400 con Ngan Trâu 01 ngày tuổi.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: 2019-2020.

Địa điểm nghiên cứu: Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương.

Nội dung nghiên cứu

Đặc điểm ngoại hình của ngan Trâu 01 ngày tuổi, 8 tuần tuổi và 26 tuần tuổi và kích thước các chiều đo của ngan Trâu tại 8 tuần tuổi và 38 tuần tuổi.

Khả năng sản xuất của ngan Trâu.

Phương pháp nghiên cứu

Đánh giá đặc điểm ngoại hình

Đặc điểm ngoại hình được đánh giá qua màu lông, chân, mỏ lúc 01 ngày tuổi, 08 tuần tuổi và 26 tuần tuổi bằng phương pháp quan sát mô tả bằng mắt thường và có hỗ trợ của máy ảnh. Đồng thời, tiến hành lấy mẫu 30 trống và 30 mái ngẫu nhiên để đo kích thước một số chiều đo cơ thể như dài thân, vòng ngực, dài lườn, cao chân, dài lông cánh, bằng thước dây tại thời điểm 8 tuần, 38 tuần (Bùi Hữu Đoàn và cs., 2011).

Khả năng sản xuất của ngan Trâu

Chăm sóc và chế độ dinh dưỡng

Đàn ngan được chăm sóc và chế độ dinh dưỡng theo quy trình chăm sóc nuôi dưỡng của Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương.

Bảng 1. Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng

Giai đoạn	Tuần tuổi	Mật độ (con/m ²)	Chế độ ăn	Chế độ chiếu sáng
Ngan con	1	25-30	Ăn tự do	24h/ngày/3 tuần đầu 20h/ngày/từ tuần thứ 4
	2-4	7-10	Ăn theo định lượng	
	5-8	6-8		
Ngan hậu bị	9-12	6-8	Ăn theo định lượng	Ánh sáng tự nhiên
	13-25	5-6		
Ngan sinh sản	>26	3-4	Ăn tự do	16h/ngày

Bảng 2. Giá trị dinh dưỡng nuôi ngan sinh sản

Chỉ tiêu	Giai đoạn ngan con (tuần tuổi)		Giai đoạn hậu bị (tuần tuổi)		Giai đoạn sinh sản
	1-3	4-8	9-21	22-25	>26
ME (kcal/kgTĂ)	2900	2700	2700	2750	2800
Protein (%)	20,00	17,50	14,00	16,00	18,00
Canxi (%)	0,95	1,00	0,95	2,48	4,00
Phốt pho (%)	0,65	0,60	0,60	0,63	0,65
Lyzin (%)	1,00	0,70	0,55	0,71	0,86
Methionine (%)	0,80	0,60	0,50	0,60	0,70

Phương pháp theo dõi các chỉ tiêu

Tỷ lệ nuôi sống (%): Hàng ngày đếm chính xác số ngan chết trong đàn thí nghiệm.

$$\text{Tỷ lệ nuôi sống (\%)} = \frac{\text{Số ngan còn sống ở cuối kỳ (con)}}{\text{Số ngan đầu kỳ (con)}} \times 100$$

Khối lượng cơ thể (g)

Khối lượng cơ thể được theo dõi từ 01 ngày tuổi và từng tuần tuổi. Cân khối lượng ngan hàng

tuần vào một ngày, giờ nhất định, cân từng con một. Từ 1 đến 4 tuần tuổi bằng cân đồng hồ có độ chính xác $\pm 2g$, từ 5 tuần tuổi trở đi cân bằng cân đồng hồ loại 5kg có độ chính xác $\pm 10g$.

Tiêu tốn thức ăn (TTTĂ) (g/con/ngày)

Lượng thức ăn thu nhận hàng ngày: Cân chính xác lượng thức ăn đổ vào máng vào giờ nhất định, đến đúng giờ đó ngày hôm sau vét sạch thức ăn còn thừa cân để xác định lượng thức ăn thừa.

Lượng thức ăn tiêu tốn /con/ngày (g) tính theo:

$$TTT\check{A}/con/ng\grave{a}y (g) = \frac{\text{Lượng thức ăn tiêu tốn trong kỳ (g)}}{\text{Số con có mặt trong kỳ (con)}}$$

Tỷ lệ đẻ (%)

$$\text{Tỷ lệ đẻ (\%)} = \frac{\text{Tổng số trứng đẻ ra trong kỳ thí nghiệm (quả)}}{\text{Tổng số mái bình quân có mặt trong kỳ thí nghiệm (con)}} \times 100$$

Năng suất trứng và TTTĂ/10 trứng

$$\text{Năng suất trứng (quả/mái)} = \frac{\text{Tổng số trứng đẻ ra trong kỳ (quả)}}{\text{Số mái bình quân có mặt trong kỳ (con)}}$$

$$TTT\check{A}/10 \text{ trứng (kg)} = \frac{\text{Lượng thức ăn tiêu tốn (g)}}{\text{Tổng số trứng đẻ ra (quả)}} \times 10$$

Khối lượng trứng (g)

Trứng được cân ở các thời điểm đẻ 5%, 38 tuần tuổi. 5% cân 50 quả, 38 tuần tuổi cân 100 quả, cân từng quả một, bằng cân kỹ thuật có độ chính xác $\pm 0,01$.

$$P \text{ trứng (g)} = \frac{\text{Tổng khối lượng trứng cân được (g)}}{\text{Tổng số trứng được cân (quả)}}$$

Tỷ lệ trứng có phôi và ấp nở (%)

$$\text{Tỷ lệ phôi (\%)} = \frac{\text{Số trứng có phôi}}{\text{Số trứng đem ấp (quả)}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ ngan nở/trứng ấp (\%)} = \frac{\text{Số con nở ra còn sống (con)}}{\text{Số trứng đem ấp (quả)}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ ngan nở /trứng có phôi(\%)} = \frac{\text{Số con nở ra còn sống (con)}}{\text{Số trứng có phôi (quả)}} \times 100$$

Xử lý số liệu

Số liệu được thu thập và xử lý theo phương pháp thống kê sinh học bằng phần mềm Microsoft Excel 2010.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Đặc điểm ngoại hình và kích thước các chiều đo

Đặc điểm ngoại hình

Lúc 01 ngày tuổi ngan có màu lông đen, có 4 chấm vàng trên lưng, cổ màu vàng, bụng màu vàng, mỏ màu đen, chân chì có sọc đen chạy dọc các ngón chân hình gân lá. Lúc 08 tuần tuổi ngan có màu lông đen tuyền, chân chì có sọc đen chạy dọc các ngón chân hình gân lá, lông cổ và lông bụng xếp hình vẩy cá, mỏ xám có chấm đen. Lúc 26 tuần tuổi ngan có lông màu đen tuyền, có ánh xanh trên lưng, trên cánh có hoặc không có 2 đốm trắng, lông cổ và lông bụng màu đen xếp hình vẩy cá, mỏ xám có chấm đen, chân chì có sọc đen chạy dọc các ngón chân hình gân lá, mắt tinh nhanh, mỏ đỏ tươi, thân hình cân đối, ngan trông đáng đi hùng dũng vững vàng.

Kích thước một số chiều đo

Kích thước các chiều đo của ngan Trâu được thể hiện qua Bảng 3.

Bảng 3. Kích thước các chiều đo của ngan Trâu

($n = 30$, Đơn vị:cm)

Chỉ tiêu	Tính biệt	8 TT	38 TT
		Mean \pm SD	Mean \pm SD
Dài thân	Trống	24,64 \pm 1,24	31,40 \pm 2,04
	Mái	21,15 \pm 1,18	26,05 \pm 1,71
Vòng ngực	Trống	33,35 \pm 1,13	44,93 \pm 1,22
	Mái	29,38 \pm 1,27	40,23 \pm 1,36
Dài lườn	Trống	15,78 \pm 0,99	22,93 \pm 0,77
	Mái	12,68 \pm 0,89	17,80 \pm 0,91
Cao chân	Trống	7,13 \pm 0,58	10,35 \pm 0,73
	Mái	5,55 \pm 0,36	7,53 \pm 0,55
Dài lông cánh	Trống	11,50 \pm 1,27	26,58 \pm 1,30
	Mái	12,00 \pm 1,20	23,13 \pm 1,06

Ghi chú: TT: Tuần tuổi

Tại thời điểm 8 tuần tuổi kích thước dài thân của ngan trống và ngan mái lần lượt đạt 24,64 và 21,15 cm; dài lườn ngan trống và ngan mái là 15,78 và 12,68 cm; dài lông cánh ngan trống và ngan mái lần lượt là 11,50 và 12,00 cm. Trong khi đó lúc 38 tuần tuổi kích thước các chiều đo dài thân của ngan trống và ngan mái lần lượt là 31,40 và 26,05 cm; dài lườn ngan trống và ngan mái lần lượt là 22,93 và 17,80 cm; cao chân ngan trống và ngan mái lần lượt là 10,35 và 7,53 cm và dài lông cánh ngan trống và mái lần lượt là 26,58 và 23,13 cm.

Theo kết quả nghiên cứu của tác giả Phùng Đức Tiến và cs. (2004) trên ngan Sen, ngan Ré chỉ tiêu dài thân ngan trống 30,4-31,3 cm, dài lườn 21,7-22,5 cm, ngan mái dài thân 24,7-24,7 cm; dài lườn 16,4-16,7 cm. Như vậy, ngan Trâu có kích thước dài thân, dài lườn lớn hơn so với các giống ngan nội khác.

Khả năng sản xuất của nạng Trâu

Tỷ lệ nuôi sống giai đoạn nạng con, hậu bị

Bảng 4. Tỷ lệ nuôi sống nạng Trâu qua các giai đoạn

Giai đoạn (Tuần tuổi)	Chỉ tiêu	Trống	Mái
1-8	Đầu kỳ (con)	700	700
	Tỷ lệ nuôi sống(%)	97,57	98,43
9-26	Đầu kỳ (con)	140	350
	Tỷ lệ nuôi sống(%)	97,86	98,29
1-26		97,14	97,57

Tỷ lệ nuôi sống giai đoạn 1-8 tuần tuổi đạt 97,57-98,43%, giai đoạn 9-26 tuần tuổi 97,86-98,29%. Kết quả nghiên cứu này cao hơn nghiên cứu Phạm Công Thiều và cs. (2018) bảo tồn nguồn gen nạng Trâu, tỷ lệ nuôi sống giai đoạn nạng con: nạng trống đạt 95,40%, nạng mái đạt 96,17%. Kết thúc giai đoạn hậu bị tỷ lệ nuôi sống nạng trống đạt 90,80%, nạng mái đạt 91,47%. Theo Phạm Công Thiều và cs. (2016), bảo tồn nguồn gen nạng Sen cho biết tỷ lệ nuôi sống của nạng Sen giai đoạn 1-8 tuần tuổi: nạng trống đạt 95,65%, nạng mái đạt 96,23%; giai đoạn 9-25 tuần tuổi nạng trống đạt 91,30%; nạng mái đạt 90,74%.

Khối lượng cơ thể nạng Trâu qua các tuần tuổi

Bảng 5. Khối lượng cơ thể nạng Trâu qua các tuần tuổi

n=30 con

Tuần tuổi	Trống		Mái	
	Mean (g)	CV(%)	Mean (g)	CV(%)
01NT	50,60	8,39	48,47	8,72
4	940,00	8,31	643,33	8,10
8	2030,78	10,98	1262,84	9,87
12	2795,00	5,86	1626,67	5,97
16	3193,33	5,98	1828,33	6,08
20	3460,00	5,61	2013,33	5,34
24	3521,67	5,42	2123,33	5,83
26	3592,25	7,01	2180,97	7,60

Ghi chú: NT: Ngày tuổi; Mean: Trung bình; CV: Hệ số biến động

Khối lượng nạng Trâu tăng dần qua các tuần tuổi. Lúc 01 nạng Trâu có khối lượng 48,47-50,60 g. Kết thúc 8 tuần tuổi khối lượng trung bình nạng trống 2030,78 g cao hơn kết quả đánh giá chi tiết nguồn gen nạng Trâu là 1823,33 g; nạng mái khối lượng trung bình 1262,84 g thấp hơn kết quả đánh giá chi tiết nguồn gen nạng Trâu 1353,33 g theo Phạm Công Thiều và cs. (2018).

Đến 26 tuần tuổi, khối lượng trung bình nạng Trâu nạng trống 3.592,25 g, nạng mái 2.180,97 g. Đàn nạng vào sinh sản có độ đồng đều cao với hệ số biến dị thấp 7,01-7,60%.

Tiêu tốn thức ăn/con qua các giai đoạn tuổi

Bảng 6. Lượng thức ăn tiêu tốn qua các giai đoạn

ĐVT: gam

Tuần tuổi	Trống	Mái
1-8	4.921	3.017
9-26	19.285	11.417
1-26	24.206	14.434

Tiêu tốn thức ăn giai đoạn ngan con 1- 8 tuần tuổi ngan trống 4.921 g; ngan mái 3.017 g thấp hơn so với các dòng ngan giá trị kinh tế cao ngan trống 6,25-7,66 kg, ngan mái 5,45-6,28 kg (Theo Hoàng Văn Tiệp và cs., 2009). Kết thúc giai đoạn hậu bị 9-26 tuần tuổi tiêu tốn thức ăn ngan trống hết 19.285 g; ngan mái 11.417 g.

Một số chỉ tiêu sinh sản của ngan Trâu

Tuổi đẻ 5% của ngan Trâu là 193 ngày, khối lượng trứng đạt 65,20 g. Tại 38 tuần tuổi khối lượng ngan mái 2.326,67 g, khối lượng trứng đạt 76,84 g.

Bảng 7. Tuổi đẻ, khối lượng cơ thể, khối lượng trứng của ngan Trâu

Chỉ tiêu	ĐVT	Mean	CV(%)
Tỷ lệ đẻ đạt 5%			
Tuổi đẻ	ngày	193	
Khối lượng cơ thể (n=30 con)	gam	2.218,33	5,41
Khối lượng trứng (n=50 quả)	gam	65,20	8,80
Lúc 38 tuần tuổi			
Khối lượng cơ thể (n=30 con)	gam	2.326,67	5,40
Khối lượng trứng (n=100 quả)	gam	76,84	6,15

Theo nghiên cứu của Phạm Công Thiệu và cs. (2018) khi bảo tồn nguồn gen ngan Trâu xác định tuổi đẻ 5% là 207 ngày, khối lượng trứng 68,43 g, lúc 38 tuần tuổi khối lượng trứng 77,06 g. Cũng theo tác giả nghiên cứu bảo tồn nguồn gen ngan Sen, tuổi đẻ 5% là 227 ngày tuổi (Phạm Công Thiệu và cs., 2016).

Như vậy kết quả nghiên cứu ngan Trâu trong nghiên cứu này đẻ sớm hơn từ 11-14 ngày so với các giống ngan nội khác.

Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng và tiêu tốn thức ăn/10 trứng của ngan Trâu

Kết quả theo dõi về tỷ lệ đẻ, năng suất trứng và tiêu tốn thức ăn/10 trứng đàn ngan Trâu thể hệ 1 được thể hiện tại Bảng 8 và Hình 1.

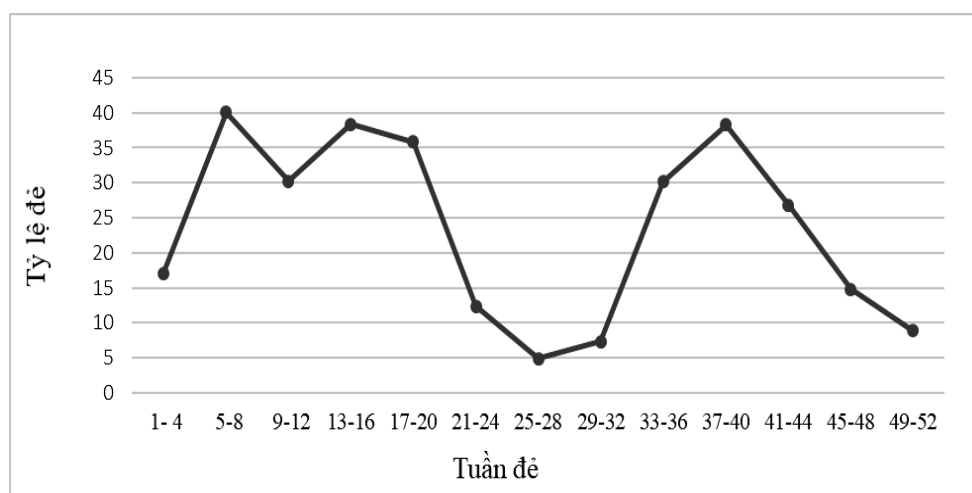
Diễn biến tỷ lệ đẻ của ngan Trâu tăng giảm theo từng đợt, ở tuần đẻ 1-4 tỷ lệ đẻ 16,99% sau đó tỷ lệ đẻ tăng lên ở các tuần đẻ thứ 5-8; 13-16; 17-20; 33-36; 37-40; 41-44 và tỷ lệ đẻ đạt cao nhất 40,05% ở tuần 5-8. Tỷ lệ đẻ thấp ở tuần đẻ thứ 9-12; 21-24, 25-28; 29-32; 45-48, 49-52 giảm thấp nhất vào tuần đẻ 25-28 (4,92%). Tỷ lệ đẻ trung bình/năm đạt 24,67%; năng suất trứng/mái/năm đạt 85,39 quả, tiêu tốn thức ăn/10 trứng 7,15 kg. Theo kết quả nghiên cứu Phạm Công Thiệu và cs. (2018) bảo tồn nguồn gen ngan Trâu cho biết năng suất trứng/mái/năm là

69,04 quả, tiêu tốn thức ăn/10 trứng 8,50 kg. Như vậy kết quả nghiên cứu này có năng suất trứng cao hơn (16,36 quả), tiêu tốn thức ăn thấp hơn (1,35 kg).

Bảng 8. Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng và tiêu tốn thức ăn/10 trứng

Tuần đẻ	Tỷ lệ đẻ (%)	NST (quả/mái)	TTTA/10 trứng (kg)
1-4	16,99	4,76	11,12
5-8	40,05	11,21	4,39
9-12	30,22	8,46	5,34
13-16	38,33	10,73	5,48
17-20	35,82	10,03	4,78
21-24	12,36	3,46	11,43
25-28	4,92	1,38	29,00
29-32	7,34	2,05	20,03
33-36	30,18	8,45	5,63
37-40	38,23	10,71	4,37
41 - 44	26,78	7,50	6,59
45 - 48	14,84	4,15	11,42
49 - 52	8,90	2,49	19,11
TB	24,67		7,15
NST/mái/năm		85,39	

Ghi chú: NST: Năng suất trứng; TTTA: Tiêu tốn thức ăn; TB: Trung bình



Hình 1. Biểu đồ biểu diễn tỷ lệ đẻ của nạc Trâu

Chỉ tiêu chất lượng trứng của nạc Trâu

Kết quả khảo sát trứng tại 38 tuần tuổi qua các thế hệ cho thấy chỉ số hình thái 1,34; tỷ lệ lòng đỏ chiếm 33,10%; tỷ lệ lòng trắng chiếm 55,02% và tỷ lệ vỏ 11,88%. Đơn vị Haugh là 87,96. So với kết quả nghiên cứu của Lê Thị Thúy và cs. (1995) tỷ lệ lòng đỏ của nạc Sen và nạc Ré là 37,95-38,16%.

Bảng 9. Một số chỉ tiêu khảo sát chất lượng trứng ngan Trâu qua các thế hệ

n=30 quả

Chỉ tiêu	ĐVT	Mean	CV (%)
Khối lượng trứng	Gam	76,03	5,40
Chỉ số hình thái		1,34	3,61
Tỷ lệ lòng đỏ	%	33,10	6,72
Tỷ lệ lòng trắng	%	55,02	3,84
Tỷ lệ vỏ	%	11,88	6,70
Đơn vị Haugh		87,96	4,01

Một số chỉ tiêu về ấp nở của ngan Trâu

Tỷ lệ nở phụ thuộc vào tỷ lệ trứng có phôi, chất lượng trứng và kỹ thuật ấp, đây là chỉ tiêu đánh giá chất lượng của đàn ngan thông qua sự phát triển phôi và sức sống của gia cầm non. Kết quả theo dõi 5 lứa ấp tại thời điểm 38 tuần tuổi được trình bày trong Bảng 10.

Bảng 10. Một số chỉ tiêu về ấp nở

Các chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả
Tổng trứng ấp	quả	2.196
Số lứa ấp	lứa	5
Tỷ lệ trứng có phôi	%	95,45
Số ngan con nở ra	con	1761
Số ngan con nở ra loại 1	con	1636
Tỷ lệ ngan con nở ra/tổng trứng ấp	%	80,19
Tỷ lệ ngan con nở/trứng có phôi	%	84,02

Qua Bảng 10 cho thấy tỷ lệ trứng có phôi của ngan Trâu 95,45%, tỷ lệ nở/tổng trứng có phôi đạt 84,02%. Kết quả nghiên cứu này cao hơn so với nghiên cứu của Phạm Công Thiều và cs. (2018) khi bảo tồn nguồn gen ngan Trâu tỷ lệ phôi 86,37%.

KẾT LUẬN

Lúc 01 ngày tuổi ngan Trâu có màu lông đen, có 04 chấm vàng trên lưng, lông cổ và lông bụng màu vàng, mỏ màu đen, chân chì có sọc đen chạy dọc các ngón chân hình gân lá. Lúc 08 tuần tuổi ngan có màu lông đen tuyền, chân chì có sọc đen chạy dọc các ngón chân hình gân lá, lông cổ và lông bụng xếp hình vảy cá, mỏ xám có chấm đen. Lúc 26 tuần tuổi ngan có lông màu đen tuyền, trên cánh có hoặc không có 2 đốm trắng, lông cổ và lông bụng màu đen xếp hình vảy cá, mỏ xám có chấm đen, chân chì có sọc đen chạy dọc các ngón chân hình gân lá, mắt tinh nhanh, mào màu đỏ tươi.

Tỷ lệ nuôi sống (1-26TT) ngan trống đạt 97,14%, ngan mái 97,57%. Khối lượng lúc 8 tuần tuổi ngan trống đạt 2030,78 g, ngan mái đạt 1262,84 g, ngan trống 26 tuần tuổi đạt trung bình 3592,25 g, ngan mái đạt 2180,97 g. Tuổi đẻ 5% là 193 ngày. Năng suất trứng/mái/năm đạt 85,39 quả; tiêu tốn thức ăn/10 trứng 7,15 kg. Tỷ lệ trứng có phôi đạt 95,45%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thanh Sơn và Nguyễn Huy Đạt. 2011. Các chỉ tiêu nghiên cứu dùng trong chăn nuôi gia cầm. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội năm 2011.
- Phạm Công Thiều, Phạm Hải Ninh, Vũ Ngọc Sơn, Nguyễn Công Định, Lê Thị Bình, Nguyễn Khắc Khánh, Nguyễn Quyết Thắng, Cao Thị Liên, Nguyễn Đức Lâm và Đinh Thị Dần. 2016. Báo cáo tổng hợp Kết quả Khoa học Công nghệ nhiệm vụ Quỹ gen cấp Bộ “Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen vật nuôi” năm 2016, tr. 76-84
- Phạm Công Thiều, Phạm Hải Ninh, Nguyễn Công Định, Đặng Vũ Hòa, Lê Thị Bình, Nguyễn Khắc Khánh, Cao Thị Liên, Phạm Đức Hồng, Phạm Đức Hạnh và Nguyễn Đức Lâm. 2018. Báo cáo tổng hợp Kết quả Khoa học Công nghệ nhiệm vụ Quỹ gen cấp Bộ “Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen vật nuôi” năm 2018, tr. 82-86.
- Lê Thị Thúy, Nguyễn Thiện, Bùi Quang Tiến và Lê Việt Ly. 1995. Kết quả nghiên cứu một số đặc tính sinh vật học và khả năng sản xuất của ngan nội ở miền Bắc. Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học- công nghệ chăn nuôi ngan, ngỗng. Tr. 29-35
- Phùng Đức Tiến, Nguyễn Thiện và Bạch Thị Thanh Dân. 2004. Con ngan Việt Nam. Nhà xuất bản nông nghiệp, Tr. 102-103.
- Hoàng Văn Tiệu, Phùng Đức Tiến, Trần Thị Cương, Vũ Thị Thảo, Lê Thị Nga, Tạ Thị Hương Giang, Phạm Đức Hồng, Đặng Đào Tuấn, Trần Thị Hà và Đỗ Thị Tự. 2009. Chọn tạo một số dòng ngan giá trị kinh tế cao. Báo cáo khoa học Viện chăn nuôi. Hà Nội 2010. Tr. 310.

ABSTRACT

Appearance characteristic and production ability of Trau muscovy ducks

The study was conducted at Thuy Phuong Poultry Research Station from 2019 to 2020. The topic commonly used conventional research methods in poultry production, aims to initially evaluate appearance characteristics, production capacity of Trau muscovy. The result showed that the (appearance characteristics at 01 day of age with black feathers, with 04 yellow dots on their backs, yellow necks, yellow bellies, black beaks, lead legs with black stripes running along the the leaf veins toes. Adult muscovy ducks have jet-black feathers, with 2 or without 2 white spots on wings, neck and abdomen black feathers arranged in fish scales, gray beaks with black lead legs with black stripes running along the toes in leaf veins, quick eyes, bright red crests. Their body weight at 8 weeks old male muscovy ducks reached 2030.78 g. Egg yield/a hen/a year reached 85.39 eggs; food consumption/10 eggs 7.15 kg. The percentage of eggs with embryos reached 95.45%.

Keywords: *Trau muscovy duck, production ability, Domestic muscovy duck*

Ngày nhận bài: 28/4/2021

Ngày phản biện đánh giá: 07/5/2021

Ngày chấp nhận đăng: 31/5/2021

Người phản biện: *TS. Phạm Thị Minh Thu*